

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

1. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ nâng cao nhận thức, năng lực tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ

a) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tài sản trí tuệ: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

b) Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tài sản trí tuệ; biên soạn, phát hành tài liệu về tài sản trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 157/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và Nghị quyết số 187/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Điểm m, Khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết số 157/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 89/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

d) Hỗ trợ kinh phí để thiết kế, xây dựng bộ công cụ tra cứu, các gói thông tin sở hữu trí tuệ chuyên ngành; xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ:

Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi là Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN).

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí

đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

Mức kinh phí hỗ trợ:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (không quá 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ).

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp và các tổ chức khác: Ngân sách nhà nước hỗ trợ không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

2. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và bảo vệ tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ trong nước đối với các sản phẩm, dịch vụ, ưu tiên các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới:

Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: Không quá 30 triệu đồng/đơn.

Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: Không quá 15 triệu đồng/đơn.

Đối với giống cây trồng mới: Không quá 30 triệu đồng/đơn.

b) Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với các sản phẩm, dịch vụ là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới:

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ căn cứ vào các công việc liên quan và các định mức chi hiện hành (tra cứu khả năng bảo hộ, giao dịch và dịch sang ngôn ngữ bản địa, thuê đại diện về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và quốc gia đăng ký, lập hồ sơ bảo hộ, theo dõi đơn đăng ký bảo hộ tại quốc gia đăng ký, báo cáo giải trình các vấn đề có liên quan theo yêu cầu của cơ quan sở hữu trí tuệ tại quốc gia đăng ký). Mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/đơn; phần kinh phí còn lại (nếu có) do tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình tự trang trải.

c) Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương mang địa danh đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; áp dụng sáng chế của Việt Nam,

sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ tại Việt Nam, áp dụng giống cây trồng mới: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN; Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN.

d) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN; Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN.

e) Hỗ trợ kinh phí tổ chức trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm hại quyền sở hữu trí tuệ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức (Trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan). Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

3. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ khai thác thương mại và phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ kinh phí cho nhiệm vụ giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác cho các tài sản trí tuệ của Việt Nam ở trong và ngoài nước; khai thác, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; thương mại hóa tài sản trí tuệ: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN, trong đó:

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (Không quá 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ).

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp và các tổ chức khác: Ngân sách nhà nước hỗ trợ không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ (Tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại, nhãn hiệu của các doanh nghiệp):

Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN; Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN.

4. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng các tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo cá nhân được hình thành từ thực tiễn

a) Hỗ trợ kinh phí tư vấn, hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho cá nhân có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật và các thành quả sáng tạo khác đã được các tổ chức, hiệp hội hoặc cấp có thẩm quyền công nhận; hoàn thiện, khai thác, áp dụng các tài sản trí tuệ và thành quả sáng tạo, đặc biệt là các tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo cá nhân có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN; Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN.

b) Tổ chức vinh danh, khen thưởng các cá nhân điển hình có tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo được áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội: Thực hiện theo mức chi áp dụng đối với hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật do các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức quy định tại Nghị quyết số 156/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

5. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình

a) Chi thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Chương trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

b) Chi tư vấn xác định, đặt hàng nhiệm vụ; tuyển chọn các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ của Chương trình; tổ chức áp dụng, phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ; thuê chuyên gia tư vấn (nếu cần thiết) về các nội dung, nhiệm vụ phát sinh trong quá trình quản lý và tổ chức triển khai Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN.

c) Chi điều tra, khảo sát để xây dựng và triển khai các hoạt động nhằm chỉ đạo và tổ chức triển khai Chương trình: Nội dung, số lượng các cuộc điều tra, khảo sát được thực hiện theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; nội dung và định mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 121/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

d) Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 89/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

e) Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (Tiền điện, nước, thông tin liên lạc): Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

f) Chi đoàn ra, đoàn vào: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 184/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế, chi tiếp khách trong nước đối với cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

g) Chi mua sắm trang thiết bị văn phòng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình: Thực hiện theo các quy định hiện hành về tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định về sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

h) Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động chung của Chương trình: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt./.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Bùi Văn Nghiêm